

TRUNG QUÁN LUẬN SỚ

QUYỂN 2 (Phần 1)

PHẨM NHÂN DUYÊN THỨ NHẤT

“Bát sinh, cũng bát diệt v.v... trở xuống, là lớp thứ hai, nhắc lại “bát bát”, để giải thích.

Trước đã lược nêu ra ba thứ phương ngôn, chỉ “bát bát” đã là đại ý của các kinh, tông chỉ của luận này. Lược giải thích vấn nạn, nói rộng, mới hiển hiện rõ từ ngày mừng hai tháng ba niên hiệu Nhân Thọ thứ ba trở đi. Học sĩ Trí Thái ở Giang Nam, đã đến Hoàng triều, xin thuật lại điều mình đã nghe, rồi vì ủy thác của người kia, giải thích, triển khai thành mười môn:

1. Môn đại ý.
2. Môn tìm gốc.
3. Môn được mất
4. Môn chánh tông.
5. Môn cạn, sâu.
6. Môn đồng, khác.
7. Môn nhiếp pháp.
8. Môn thứ lớp.
9. Môn phân biệt .
10. Môn mới thông.

- **Thứ nhất, LÀ MÔM ĐẠI Ý** : “Bát bát”, là cốt tâm của phương đẳng, chỉ quy của chánh quán. Quyết định sự thiên, chánh của Phật pháp, trình bày cội nguồn của được mất. Mê, thì tám muôn pháp tạng, mờ mịt như đi đêm. Ngộ, tức mười hai bộ kinh, như đi trong ban ngày.

Xưa, ở bên trái sông, tôi đã xét cùng tận nghĩa lý mười hai bộ kinh, qua nhiều năm ngưỡng mộ, chưa từng nghỉ lại bên phải sông, để dùng làm gương soi tâm. Dù rằng đông, tây cách trở, nhưng chưa bắt đầu chia cắt ngang trái. Vây quanh nam, bắc, đâu từng bước đi lống

uổng. Lược trình bày ký ức đời trước của mình, để phân biệt môn nhân, há nói là cùng cực nhỏ nhoi? Vì là đề xuất con đường của tâm mình!

- **Thứ hai, MÔN TÌM GỐC.**

Hỏi: “Văn luận này có bốn quyển, bao gồm rộng năm trăm bài kệ. Vì sao “bát bát” lại không nêu ở đầu luận?”

Đáp: “Vì lãnh hội ý của bài tựa trước đủ đã nói “bát bát”, chưa hiểu rõ lời nói trước. Nay, sẽ trình bày:

Kinh bệnh Danh nói: “Trí Độ, là mẹ của Bồ-tát, Phương tiện dùng làm cha. Tất cả các đạo sư đều từ đây sinh, tức biết phương tiện Bát-nhã là cha mẹ của pháp thân Chư Phật ba đời mười phương, vì chúng Thánh nhờ hai tuệ mà sinh; hai tuệ do hai đế mà phát; hai đế do “bát bát” mà chánh, tức biết “bát bát” là tông quy của các giáo, cội nguồn của các Thánh”. Chỉ phải vâng giáo bỏ gốc sùng bái ngọn. Tứ ý xuất thế, vì bảo họ bỏ ngọn, trở về gốc, cho nên tiêu biểu “bát bát xuyên suốt ở đầu luận.

Hỏi: “Bát bát” không chỉ là gốc của Phật, Bồ-tát, mà còn là gốc của Nhị thừa, người trời phải không?”

Đáp: “Do “bát bát, thì hai đế chánh; Hai đế chánh tức hai tuệ sinh; hai tuệ sinh tức có Phật, Bồ-tát; có Phật, Bồ-tát, nên nói giáo của Nhị thừa, người, trời. Tức biết bát bát cũng là gốc của Nhị thừa, và trời, người. Như kinh Đại Phẩm nói: “Nếu không có Bồ-tát xuất thế, tức không có giáo ba thừa, cũng không có năm giới, mười điều thiện của thế gian”.

Hỏi: “Hai tuệ sao lại do hai đế mà sinh?”

Đáp: “Phải biết rõ hai đế, tức hai tuệ mới thành tựu. Bài tựa Trung luận của Pháp sư Đàm Ảnh ở Quán Nội chép rằng: “Luận này dù không có pháp nào không cùng; không có lời nào không tận. Thống nhất yếu quy đó tức hội thông hai đế. Vì chân đế, nên “không có cái có”; vì tục đế nên “có” không có cái không. Vì chân đế nên “không có”; cái có tuy “không” mà “có”. Vì tục đế, nên không có cái không, tuy “có” mà “không”; tuy “không” mà “có”, không bị dính mắc “không”. Dù “có” mà “không”, vì không dính mắc ở cái “có”. Không dính mắc “có”, tức thường dính mắc được dứt như băng tiêu. Không trệ ngại “không”, tức đoạn diệt chấp “không”, tức biết hai đế xa lìa hai bên gọi là Trung đạo.”

Hỏi: “Thế nào là chân đế tuy “không” mà “có”; Tục đế tuy “có” mà “không”?”

Đáp: “Đây là do không hoại giả danh này mà nói thật tướng, nên

có rõ ràng mà “không”. Chân đế bất động mà Kiến lập các pháp, nên không có rõ ràng mà “có”

Hai đế sinh hai tuệ: Do tỏ ngộ “có” rõ ràng, mà không cho nên sinh Bát-nhã “câu-hòa”. Hiểu rõ “không” rõ ràng nhưng vì “có” nên sinh ra “âu-hòa” Bát-nhã. Âu-hòa Bát-nhã tức Ba-nhã rõ ràng mà âu-hòa, Ba-nhã âu-hòa tức âu-hòa rõ ràng mà ba-nhã, vì âu-hòa rõ ràng mà Bát-nhã nên không vướng mắc thường. Bát-nhã rõ ràng mà vì âu-hòa, nên không trệ ngại đoạn. Bất đoạn, bất thường, gọi là chánh quán. Tuy nhiên, lia hai đế không có Trung đạo riêng, tức hai đế của Nhân Duyên, gọi là Trung đạo. Lia hai tuệ, không có chánh quán riêng, tức hai tuệ Nhân Duyên, gọi là chánh quán, nên do Trung đạo của hai đế phát sinh chánh quán của hai tuệ. Do được chánh quán của hai tuệ vắng lặng có Phật, Bồ-tát. Vì thế, nên hai tuệ gọi là cha, mẹ của pháp thân.

Hỏi: “Đã biết hai tuệ do hai đế mà phát, các bậc thánh nương gá hai tuệ mà sinh, vì sao Bát-nhã là mẹ, phương tiện là cha ư?”

Đáp: “Ý thì vô cùng, lược nói hai nghĩa:

1. Thật tuệ rỗng rang bất động, đồng vắng lặng với ấm. Công dụng động của phương tiện, vì đồng chung với thái dương kia, nên cha mẹ phối hợp. Lại, phàm phu chấp hữu; Nhị thừa trệ ngại “không”; Bát-nhã soi sáng “không”, tức vượt qua phàm. Âu-hòa trải qua “hữu”, tức vượt qua Thánh, vượt qua phàm thì cạn, dễ, tức nghĩa đồng với mẹ, vượt qua Thánh vì sâu, khó, nên so sánh với cha. Vì thế, nên sư La-thập đáp câu hỏi xa với ấu trĩ của vua, nói về phương tiện Bát-nhã lại không có hai thể, chỉ vì cạn, sâu, hơn, kém, nên chia làm hai.

Hỏi: “Vì sao Bát-nhã, âu-hòa không có hai thể ư?”

Đáp: “Luận Trí Độ nói: “Ví như vàng, được chế thành vật dụng khéo léo, lia vàng, không có vật dụng khéo léo; lia vật khéo léo, sẽ không có vàng, mà có hai nghĩa: vàng, và vật dụng khéo. Vàng dụ cho Bát-nhã; vật dụng khéo léo cho dụ âu-hòa, nên biết chỉ một nghĩa chánh quán mà chia ra quyền, thật.”

Hỏi: “Âu-hòa khéo léo là sao?”

Đáp: “Địa vị Nhị thừa v.v...trở xuống, không thể chiếu “không”, tức là giám sát “hữu”, nên không có khéo léo. Đại sĩ dù còn chiếu “không”, nhưng rõ ràng là “có”, nên gọi là khéo khéo.”

Hỏi: “Do đâu Bồ-tát có được sự khéo léo này?”

Đáp: “Sự khéo léo này do hai đế mà sinh, bởi chân đế không động, kiến lập các pháp, dù nhập “không” sâu, nhưng có thể liên hệ với “hữu”, nên có sự khéo léo này.”

Hỏi: “Chiếu “không”, rõ ràng mà có, đã gọi là khéo léo, tức cũng “chiếu” “hữu” rõ ràng mà “không” lẽ ra cũng được gọi là khéo léo, tức đều là âu-hòa, có gì là Bát-nhã?”

Đáp: “Thật sự như điều ông hỏi, nên Pháp sư La-thập nói: “Quán “không” chẳng chứng, liên hệ với “hữu” không dính mắc, đều là âu-hòa, vì đồng với sự khéo léo. Chỉ quán “không” chẳng chứng ngộ, thì cho dù là âu-hòa, mà đã nhận lãnh danh từ Bát-nhã, tất nhiên, sẽ không được gọi là khéo léo, chỉ liên hệ với “hữu”, vì không vướng mắc, nên gọi là âu-hòa.” Cách giải thích này đồng với cách giải thích của luận Trí Độ. Luận Trí Độ đã giải thích trong phẩm Thí Dụ rằng: “Bát-nhã sắp nhập rốt ráo “không”, không có các hí luận. Âu-hòa sắp phát ra “không” rốt ráo để trang nghiêm cõi nước và hóa độ con người. Các Kinh như Tinh Danh, và Thích Tăng Triệu, đại khái đồng với ý này.”

Hỏi: “Quán thẳng “không” là Bát-nhã, đối với “không” chẳng chứng là phương tiện, nghĩa là cũng chiếu thẳng “hữu”, gọi là Bát-nhã; nhận lấy chiếu “hữu” không vướng mắc, gọi là âu-hòa?”

Đáp: “Vì theo ý của Pháp sư La-thập đã giải thích: “Quán “không” chẳng chứng, dù là âu-hòa mà từ Bát-nhã tiếp nhận danh, nhưng không có tên gọi là khéo léo, cũng là nghĩa chiếu “hữu”, dù là Bát-nhã đã từ âu-hòa được tên, mà chính sư Triệu vì đã chính thức sử dụng ý này, nên nói rằng, đạt thẳng pháp tướng, gọi là tuệ. Chiếu “không” chẳng chứng; liên hệ với “hữu” không vướng mắc là hai nghĩa khéo léo, gọi là âu-hòa.”

Hỏi: “Cũng được chiếu thẳng nghĩa “không”, gọi là Bát-nhã. Chiếu “không” chẳng chứng, kể cả chiếu “hữu”, đều liên hệ với “hữu” mà không chấp mắc, cả ba nghĩa này đều là âu-hòa ư?”

Đáp: “Cũng có nghĩa này. Bát-nhã chiếu thẳng thật tướng các pháp, nên gọi là thể, thể tức không hai; phương tiện, tức là dụng khéo léo của Bát-nhã. Dụng có nhiều môn:

1. Chủ thể chiếu “không”, chẳng chứng nghĩa “không”, đây là một khéo léo.
2. Quán “không”, tức năng chiếu “hữu”, đây là hai cái khéo léo.
3. Liên hệ với “hữu”, lại có thể không có sự chấp mắc; đây là 3 điều khéo léo.

Các khéo léo này đều gọi là phương tiện, nên dùng vàng làm thể. Các thứ nữ trang khéo léo về vàng, đều gọi là phương tiện.”

Hỏi: “Cách giải thích ở đây trái với cách giải thích ở trước, làm sao hiểu được qua?”

Đáp: “Hợp chiếu “không”, “hữu”, đều gọi là Bát-nhã, tức hợp với hai khéo léo, đều gọi là phương tiện, tức Bát-nhã chiếu đủ “không” “hữu”. Phương tiện đủ hai thứ khéo léo “không”, hữu, nên vì Bát-nhã gọi là tuệ, tức tuệ có hai chiếu; phương tiện không có tuệ, nên chỉ gọi là hai khéo. Đây là y cứ hai chiếu, hai khéo để giải thích. Nếu chiếu thẳng thật tướng, thì gọi là Bát-nhã, quán “không” chẳng chứng và chiếu “hữu” không vướng mắc, đều là công dụng của Bát-nhã, nên đều gọi là phương tiện. Đây là y cứ ở môn thể một, dụng nhiều để giải thích. Đây đều là các nghĩa hợp, ly, thích hợp với thời tiết không trái, vẫn khác đều hội thông. Dù ba thứ không đồng, nhưng cũng là một ý mà thôi.”

Hỏi: “Nếu kinh Tịnh Danh lấy hai tuệ làm cha mẹ của pháp thân, thì tại sao kinh Anh Lạc lại dùng hai đế làm cha mẹ ư?”

Đáp: “Nếu lấy hai tuệ gọi là hai tuệ của Phật do hai đế mà sinh, tức lấy hai đế làm cha mẹ; hoặc nói vì hai tuệ sinh ra Phật, nên dùng hai tuệ làm cha mẹ. Hai tuệ lại do hai đế sinh, tức hai đế là Ông bà. Hai đế lại do “bát bất” mà chánh, tức “bát bất” là ông bà của ông bà, nên “bát bất” là tông chỉ quy thú của các giáo, căn bản của Thánh, đều rạn vỡ ở đây.

- Thứ ba, MÔN ĐƯỢC, MẮT

Hỏi: “Bát bất” chỉ là nguồn được của các Thánh, cũng là mắt gốc của chúng sinh?”

Đáp: “Tổ ngộ vô sinh, thì có các thánh ba thừa; mê “bát bất”, thì có sáu đường lằng xằng, nên kinh Niết-bàn rằng: “Thuốc một vị này tùy chỗ truyền đi của nó mà có sáu thứ vị. Thuốc một vị tức Phật tánh Trung đạo. Phật tánh Trung đạo bất sinh, bất diệt, bất thường, bất đoạn, tức là “bát bất”. Cho nên biết mắt “bát bất”, thì có sáu cội lằng xằng, bện rộn.”

Hỏi: “Mắt “bát bất”, có sáu đường lằng xằng là sao?”

Đáp: “Do không tổ ngộ “bát bất”, tức không biết hai đế; không biếthai đế, thì hai tuệ bất sinh; hai tuệ bất sinh, thì có phiền não ái kiến. Vì phiền não, nên có nghiệp; vì có nghiệp nên có sinh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não. Nên biết mắt “bát bất”, có sáu đường lằng xằng.”

Hỏi: “Được, mắt “bát bất”, gồm có bao nhiêu người?”

Đáp: “Lại y cứ hai môn đều có bốn hạng: Mắt người có bốn:

1. Chúng sinh căn cơ chậm lụt khởi ái.

2. Ngoại đạo căn nhạy bén khởi kiến

3. Tức chúng sinh ái, kiến này hồi tâm học giáo Tiểu thừa của Phật, chỉ vì căn chậm lụt phước mỏng, nên thành ba mắt:

1/ Được ngữ, không được ý, nghe nói tên Tiểu thừa, nên nói là được ngữ, không biết nói Tiểu thông qua Đại, vì cứ giữ ngón tay, quên đi mặt trăng, nên gọi là mất ý.

2/ Ngữ, ý đều mất, như luận Trí Độ quở Ca-Chiên-Diên rằng: “Ngữ này chẳng phải thuyết trong Đại thừa, cũng là cái không có trong ba tạng, vì là nghĩa của các luận, nên sư tự lập nên thuyết này!”

3/ Tiểu thừa chấp giữ, bèn chê bai Phương Đẳng, như năm trăm bộ vì chấp các pháp có tướng quyết định, không biết được ý Phật vì giải thoát, nên nghe rất ráo “không”, như dao đâm vào tim.

4. Tức người Tiểu thừa này hồi tâm học Đại thừa, cũng có ba mất:

1. Được ngữ, không được ý: Nghe nói Đại, khởi hiểu biết về Đại thừa, trở thành có sở đắc lớn, không biết là do Nhân Duyên giả gọi là Tiểu, Đại là vì biểu thị chẳng phải Đại, chẳng phải Tiểu, nên gọi là mất.

2. Ngữ, ý đều mất v.v....các thứ tìm kiếm, bác bỏ ở trong Đại thừa, chẳng phải là nghĩa của ba tạng, cũng là điều không có trong Phương Đẳng.

3. Chấp giữ Đại thừa, bèn bác không có Tiểu thừa. Như luận Pháp Hoa giải thích phẩm Dược, Thảo Dụ, phá bệnh của Bồ-tát, vì Bồ-tát nghe đạo lý có một không có hai thừa, bèn bác bỏ không có Tiểu thừa. Dù một địa sinh ra đối tượng thấm nhuần của một trận mưa, mà các cỏ cây đều có khác nhau. Đạo lý là chỉ có Đại thừa, không trở ngại đối với duyên trở thành Tiểu thừa, mà Bồ-tát lại bác bỏ không có Tiểu thừa, tức là vì giữ “thật”, mất “quyền”, nên gọi là mất.

Bốn người này đều không tỏ ngộ Trung đạo “bát bất”, vì không phát sinh chánh quán, nên thành bốn thứ mất. Dù có bốn mất, hợp thành ba mê, nhưng cái mất đầu tiên có bệnh điên đảo không biết là bệnh, không biết cứu chữa. Một cái mất kế biết bệnh này, muốn tìm thầy thuốc đến chữa trị, chỉ uống thuốc tà, tức chứng bệnh cũ không hết, mà còn thêm bệnh mới.

Hai mất sau, biết bệnh này, tìm thầy cứu chữa, chỉ vì không có phương tiện, nên uống thuốc cam lộ mà trở thành thuốc độc, cũng không bắt bệnh cũ lại khởi bệnh mới.

Dù có bốn mất hợp thành hai lỗi. Hai mất ở đầu, tự Long Thọ khởi mê; hai mất sau, học giáo trở thành bệnh. Hai người đầu là khác: Đầu tiên, căn cơ chậm lụt khởi ái. Sau, căn cơ nhạy bén khởi kiến. Lại, người đầu chỉ có một mất; người sau, lại khởi mất trong mất. Vì sao? – Vì có

thân, tâm này, đã gọi là mất, mà còn tìm kiếm, bác bỏ, trở thành chín mươi sáu thứ khác, nên cách thành càng xa, đường nhánh càng nhiều, do đó, kinh Pháp Hoa lấy hai người này dụ cho trùng độc, quỷ dữ.”

Hỏi: “Bát bất” có đủ ở hai đế. Người Tiểu thừa đã biết các pháp “sinh, đắc” ở thế đế, sao lại nói mất?”

Đáp: “Thế đế là Nhân Duyên vô sinh mà sinh, mà pháp Tiểu thừa vì chấp thành tánh sinh, nên mất thế đế. Thế đế còn mất, hướng chi Đệ nhất nghĩa ư?”

Hỏi: “Người của đạo Phương Quảng học về Đại thừa, nói tất cả pháp bất sinh, bất diệt, rốt ráo “không”, lẽ ra phải được “bát bất”, sao lại nói mất?”

Đáp: “Bát bất” vô sinh, vì là Nhân Duyên sinh vô sinh, không hủy hoại sinh, mà nói vô sinh, trong khi pháp Phương Quảng lại chấp vô sinh mà mất sinh. Đã mất vô sinh thì sinh cũng mất, sinh vô sinh, tức đều hoại hai đế.”

Hỏi: “Như lai xuất thế, là vì hạng người nào? Về sau, Long Thọ khởi bác bỏ lại bệnh gì?”

Đáp: “Nói chung, Phật đều vì bốn hạng người, nên xuất thế, nhưng Phật chưa xuất thế, chỉ có hai hạng người trước vì phải hai người này nên nói giáo của năm thừa trong hai người này có người không có nghe phi pháp do căn lành của người, trời mà thành tựu.

Có người căn tánh Ba thừa sẽ được nói giáo của Ba Thừa Long Thọ xuất thế dù có chung bốn hạng người, nhưng luận này chính vì người Đại, Tiểu thừa, nên trình bày hai giáo Đại, Tiểu thừa, bên cạnh vì hai người trước. Vả lại, dù Phật nói giáo năm thừa, nhưng ý ở Nhân Duyên sự đại. Bốn y dù trình bày hai giáo Đại, Tiểu, nhưng ý Ngài vẫn đồng quy nhất cực, khiến cho chúng sinh đều tỏ ngộ Trung đạo, phát sinh chánh quán.

Kế là, nói được bốn người: Như trước đã nói về người quán Trung đạo, gồm có bốn hạng. Trung đạo tức nghĩa “bát bất” bất sinh, bất diệt:

Vì người hạ trí quán, nên được Bồ-đề Thanh văn; vì người trung trí quán nên được Bồ-đề Duyên giác; vì người Thượng Trí quán nên được Bồ-đề Bồ-tát; vì bậc thượng thượng trí quán, nên được Bồ-đề Phật. Bồ-đề, Hán dịch là trí, tức là vì phát quán trong nhân, cho nên thành bốn người. Luận này hợp bốn người làm thành hai. Hai mươi lăm phẩm trước, dạy trong nhân phát quán, được Bồ-đề của Phật, Bồ-tát; hai phẩm sau, giúp cho người Nhị thừa phát quán trong nhân, được Bồ-đề của Nhị

thừa cho nên phẩm sau nói: “trước, đã nghe pháp pháp Đại thừa, nhập đệ nhất nghĩa, nay muốn nghe pháp Thanh văn nhập Đệ nhất nghĩa đệ nhất nghĩa tức là Trung đạo, nhưng tỏ ngộ có cạn, sâu, cũng như ba thợ săn thú, nên thành bốn phẩm.”

Hỏi: “Nếu ba thừa đồng quán Trung đạo, tức người ba thừa đồng bả thọ “bát bất”, vì sao Văn kinh lại nói rằng, vì người Thanh văn, nói mười hai Nhân Duyên sinh diệt? vì Bồ-tát, mà nói mười hai vô sinh diệt ư?”

Đáp: “Nói rõ Thanh văn, gồm có hai hạng”:

1/ Người được “nhân không”, chẳng được “pháp không”. Vì chẳng được pháp không, nên có mười hai sinh nhau vì biết không có ngã, nên nhập Đệ nhất nghĩa. Đại sĩ được đủ hai “không”, chẳng phải chỉ không có ngã mà cũng không có mười hai, nên nhập Đệ nhất nghĩa, vì thế, khác với Nhị thừa kia.

2/ Người Thanh văn được đủ hai “không”, nhưng Thanh văn ở trước đã có mười hai, mà chiết phục khiến cho “không”, mới nhập đệ nhất nghĩa. Bồ-tát biết mười hai vốn tự bất sinh, nay cũng vô diệt, nên nhập “không” của Đệ nhất nghĩa. Như luận Trí Độ giải thích hai “không” của Đại, Tiểu thừa. Thanh văn vì phân tích “nhân” “pháp”, nên “nhân”, “pháp” là “không”. Bồ-tát đã biết bản tánh của “nhân” “pháp” tự là “không”, dù có phân tích pháp và bổ tánh không đồng, nhưng đồng nói nhập vào nghĩa “không”. Vì đồng nhập nghĩa “không”, nên ba thừa đồng nhập Đệ nhất nghĩa. Vì có phân tích pháp hay không phân tích pháp, thì Thanh văn vẫn gọi là sinh diệt quán, Bồ-tát gọi là quán vô sinh.”

Hỏi: “Đồng nhập “không”: Nghĩa “Không có khác nhau chẳng?”

Đáp: “Trong Huyền Nghĩa có giải thích nay, lược nói một câu. Luận

Trí Độ nói: “Nhị thừa gọi là “Đản không”; Bồ-tát gọi là “không” chẳng thể được. Nhị thừa chỉ trụ “không, gọi là Đơn “không”. Đại sĩ biết “không”, cũn g lại “không”, gọi là “không” chẳng thể được. Luận Trí Độ lại nói: “Nhị thừa được hai “không”, như chỗ trống trong lỗ chân lông; Đại sĩ chứng đắc hai “không”, như hư không mười phương.”

- Thứ tư, MÔN CHÁNH TÔNG

Hỏi: “Trước đã nói hai đế do “bát bất” mà chánh, xin trình bày cho?”

Đáp: “Do “bát bất”, nên thế đế thành Trung đạo, tức nghĩa thế đế chánh. Do “bát bất”, nên chân đế thành Trung đạo, tức nghĩa chân đế chánh. Do “bát bất”, nên hai đế hợp thành Trung đạo, tức hợp hai đế

chánh. Do ba thứ chánh, nên mười hai bộ kinh, tám vạn pháp tạng, tất cả giáo đều chánh. Do tất cả giáo đều chánh, nên tức phát sinh chánh quán, mọi hí luận đều diệt, tức là được đạo. Vì nghĩa này rất quan trọng nên “bát bát” được nêu ở đầu. Thế, nên Luận chủ nhân “bát bát”, quyết định thiên lệch, về Phật pháp.”

Hỏi: “Vì sao ba thứ chánh, mà tất cả chánh ư?”

Đáp: “Pháp mà Chư Phật mười phương ba đời đã nói, đều dựa vào hai đế, bởi hai đế đều gồm thâu chung tất cả pháp Phật. Hai đế đã chánh, há chẳng phải tất cả đều chánh hay sao?”

Hỏi: “Vì sao Luận chủ dùng “bát bát” để sửa cho đúng Phật giáo?”

Đáp: “Vì ba hạng người học về hai đế đều rơi vào bất chánh, thiên tà?.

1/ Như năm trăm bộ v.v... chấp tánh nhất định “có”, tức thế đế rơi vào “có” tánh, nên trở thành thiên tà, bất chánh.

Phương Quảng chấp tánh nhất định “không”, tức chân đế rơi vào thiên tà bất chánh.

Vì phá hai lối chấp thiên lệch này, nên trình bày Nhân Duyên “không” “hữu” là hai đế, tức hai đế mới chánh.

3/ Tức hành vi của thế gian cũng nói rằng có ba thứ Trung đạo: Thế đế nói Trung đạo bất thường, bất đoạn. Chân đế nói về Trung đạo bất sinh, bất diệt. Hợp hai đế nói về Trung đạo phi chân, phi tục. Chỉ khảo sát, trách cứ ba Trung, đều không thành trung, vì rơi vào thiên tà, bất chánh, nên, nay, đối với thiên lệch, bất chánh này, để nói “bát bát”, sửa cho đúng cả hai đế trở thành ba thứ Trung đạo, nên được chánh đáng trong ba.”

Hỏi: “Bát bát” dù tức là hai đế, nhưng nói “có”, “không” để làm hai đế, không nói “bát bát”, mà phải vâng giáo nghe hai bên “có” “không” rơi vào đoạn, thường, nên không thành Trung đạo. Nếu nói hai đế bất sinh, bất diệt, không thường, không đoạn, thì biết hai đế chính là Trung đạo, nên đem “bát bát” để giải thích thành hai đế.”

Hỏi: “Thế nào là đem “bát bát” để giải thích thành Trung đạo của thế đế?, nghĩa chánh của thế đế ư?”

Đáp: “Lời nói của một sự phần nhiều đối với người khác mà khởi. Có “cái có” của người khác có thể “có”, tức có cái “không” có thể “không”. Có “cái có” “có” không do “không”, cho nên “có”. Nếu có cái “không” có thể “không”, vì không do “hữu”, nên “không”. Nay, không có cái “có” có thể “có”, tức không có “không” cho nên “hữu”;

không có “không” có thể “không”, do vì “hữu” cho nên “không”, vì thế, cho nên lấy “không”; “hữu” làm thế đế; “không” của “hữu” làm Chân đế.

“Hữu” của “không” làm thế đế, thế đế tức là Nhân Duyên giả có. Nhân Duyên giả có tức là Nhân Duyên giả sinh, Nhân Duyên giả diệt. Nhân Duyên giả sinh không thể nhất định sinh. Nhân Duyên giả diệt không thể nhất định diệt vì không thể nhất định sinh, nên sinh không có tánh thật. Vì không thể nhất định diệt, cho nên diệt không có tánh thật. Vì cho nên bất sinh, bất diệt là Trung đạo của thế đế.”

Hỏi: “Sư nói rằng, giả sinh bất sinh; giả diệt bất diệt; bất sinh, bất diệt gọi là Trung đạo của thế đế.” Đây là không ở giả sinh, sao lại là bất tánh sinh ư?”

Đáp: “Sư nói rằng: “Giả sinh bất sinh”, điều này có ba ý.

1/ Nếu nói về hai đế đều không có nghĩa sinh, tức giả sinh bất sinh. Đây là nói không có nghĩa “sinh của tánh thật, chứ chẳng phải không ở giả sinh.

2/ Tự có giả sinh bất sinh, tức không ở giả sinh, vì là Trung đạo thế đế. Đây là sự dụng “giả” của chân đế làm “Trung” của thế đế, cụ thể như cách giải thích trên.

3/ Nói giả sinh này tức là bất sinh. Nếu đặt bất sinh, vào chân đế, thì sinh tự tại ở thế đế, đây chính là hai kiến chân, tục.”

Hỏi: “Thế đế không thật có tánh sinh diệt, thì sao là Trung đạo ư?”

Đáp: “Nếu thế đế là tánh thật sự có sinh diệt, thì sẽ rơi vào thiên lệch bất chánh, không thành Trung đạo. Vì thế đế xa lìa tánh thật, thiên tà bất chánh, nên thành Trung đạo.”

Hỏi: “Sinh diệt của tánh thật sao gọi là thiên tà bất chánh?”

Đáp: “Do sinh nhất định sinh, tức sinh là thường sinh. Nếu diệt là thật diệt, thì diệt sẽ thành đoạn diệt, nên sinh diệt của tánh thật tức là thiên tà.

Hỏi: “Lìa tánh sinh diệt, chỉ thành Trung đạo của thế đế, hay cũng thành giả danh thế đế?”

Đáp: “Tức chấp một tánh thật đủ cả hai nghĩa: Vì tánh thật là nghĩa thiên lệch, nên chướng ngại đối với Trung đạo, vì là nghĩa tự tánh nên chướng ngại giả danh, năng chướng một hoặc đã có hai nghĩa; trong thế đế, bị chướng cũng vậy, vì “có” không “tự có”, nên “có” là “giả có”, tức “giả có” này xa lìa hai bên, nên gọi là Trung đạo”.

Hỏi: “Nếu vậy, trung giả đâu có khác?”

Đáp: “Luận rằng: “Cũng là giả danh, cũng là nghĩa Trung đạo, nên lại không có hai thể, y cứ nghĩa, mà không đồng.”

Hỏi: “Nếu vậy, đại sư Nhiếp Sơn sao lại nói: “Chẳng phải có, chẳng phải không, gọi là Trung đạo, mà có, mà không, gọi là giả danh, tức thể, gọi là Trung, dụng tức là giả, làm sao không có khác?”

Đáp: “Đây là hễ chia ra ở thể dụng, thì thể gọi là Trung; dụng gọi là giả.”

Hỏi: “Vì sao đại sư nói thuyết này?”

Đáp: “Vì Văn luận như thế, nên Đại sư sử dụng thuyết này.” Phẩm Tứ đế nói: “Các pháp do Nhân Duyên sinh, ta nói tức là “không”; cũng gọi là giả danh, cũng gọi nghĩa Trung đạo.

Văn xuôi giải thích: “Do xa lìa hai bên, nên gọi là Trung đạo. Vì chúng sinh nên lấy giả danh để nói. Trung đạo là thể, không thể nói “có”, “không”, vì dụng là “có”, “không”, nên có thể được giả thuyết, nên lấy chẳng phải có, chẳng phải không làm Trung; mà có, mà không có làm giả, vì là luận một đường. Nếu nói ba Trung ba giả, tức trung giả thường chung. (sau sẽ nói đủ)

Hỏi: “Những gì là tánh thật sinh diệt?”

Đáp: “Lược nói về chấp của bốn hạng người”:

1. Thuyết của thế gian nói, chỉ dựa vào đối tượng mà mắt thấy, tai nghe như: Đất, nước hoà hợp, tức vật thể bên ngoài sinh; cha mẹ hoà hợp, có pháp trong khởi, vì thế gian kia quyết định có pháp nội, ngoại sinh, nên gọi là tánh thật.

2. Các ngoại đạo chấp vô nhân, tà nhân, quyết định có sinh, cũng gọi là tánh thật.

3. Người Tiểu thừa chấp có tánh sinh nhất định ở vị lai. Từ vị lai khởi đến hiện tại, nên gọi là sinh, cũng là tánh thật.

4. Người học Đại thừa có sở đắc, dù nói các pháp là giả, nhưng quyết định có sinh để sinh, tức vì sinh không nhân diệt nên sinh trở thành tự tánh.

Bốn thứ tánh sinh như thế, đều gây trở ngại cho Nhân Duyên thế đế của Như lai. Luận chủ ra đời, phá chấp tánh thật của bốn người này, nhằm trình bày thế đế là Nhân Duyên giả gọi là, nên thế đế mới thành Trung đạo.”

Hỏi: “Thế đế phá tánh thật sinh, diệt này là nghĩa của tánh “không” phải chăng?”

Đáp: “Tức là tánh “không”. Vì tánh như thế v.v... rất ráo vắng lặng, vì năm nhãn không thấy, nên gọi là “tánh không”.”

Hỏi: “Vì là bản tánh là “không”, hay vì phá tánh là “không”?”

Đáp: “Đủ cả hai nghĩa. Tánh này xưa nay vắng lặng, chẳng phải vì phá nên “không”, gọi là bản tánh “không”. Như cho rằng, ánh lửa là nước. Bản tánh của nước là “không”. Nếu y cứ ở vọng tình mà nói thì gọi là tánh chấp. nếu y cứ người kia tìm chấp tánh này không thể được, thì gọi là phá tánh “không”

Hỏi: “Đã là tánh “không”, thì làm sao gọi là Trung đạo ư?”

Đáp: “Không có hai biên, nên gọi là Trung đạo.”

Hỏi: “Tức tánh “không” này có phải cũng được nói Trung đạo chẳng phải có, chẳng phải không chăng?”

Đáp: “Vì “không” có tánh thật, nên không thể là “có”. Vì Nhân Duyên “có” là giả gọi là, nên không thể là “không”. Ở đây, tức là hợp Trung với giả, đều là Trung đạo.

Hỏi: “Điều này xuất xứ từ đâu?”

Đáp: “Kinh Niết-bàn nói: “Vừa có, vừa không có, gọi là Trung đạo, tức là việc ấy”. Lại, kinh Niết-bàn nói: Vô sinh tử, chẳng thể là “có”, “có”, thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng thể là “không”, giống như thế, với nghĩa kia chẳng phải một”.

Hỏi: “Vì sao dùng nghĩa này làm Trung đạo?”

Đáp: “Trung là nghĩa chánh, nói không có tánh thật, “có” giả danh, ở nghĩa mới chánh, nên gọi là trung.”

Hỏi: “Tánh “không” có mấy thứ?”

Đáp: “Nói về tánh “không” có bốn thứ:

1. Chấp có tánh “không” gọi là tánh “không”. Đây là từ sở chấp đặt tên.

2. Vì phá tánh thật của người ngoài, nên gọi là tánh “không”.

3. Chấp tánh này vốn tự trống rỗng, gọi là bản tánh “không”.

4. Bản tánh của Nhân Duyên tự “không”, gọi là tánh “không”. Tánh này “không”, là tên khác của Phật tánh, Bát-nhã, thật tướng. Người Nhị thừa chẳng thấy tánh “không”, là không thấy cái tánh “không” này. Đây là dùng “thể” làm tánh, chứ chẳng phải “tánh” của “tánh” chấp.

Hỏi: “Hai đế đều bất sinh; đều không nói; đều như; đều cùng “tuyệt”; đều là tánh, là “không”. tánh “không” đâu có khác?”

Đáp: “Cũng một nghĩa, vô Tánh giả hai sinh, nên đều bất sinh. Thế đế không nói tánh sinh. Chân đế không nói giả sinh, gọi là “đều không nói”. Hai đế bất giả, thật, gọi là “đều dứt, dứt tức là “như”, nên nói rằng “đều như.”

Hỏi: “Vì sao đầu tiên y cứ ở bất sinh, bất diệt để nói Trung đạo

ư?”

Đáp: “Nương bất cứ một môn nào cũng đều được các tổ ngộ, không nên trách cầu thả lý do, tất nhiên, muốn tìm kiếm lý do, chẳng phải không có đầu mối sâu sắc: Thế đế dù hội đủ vạn hóa, chỉ nhân quả sinh nhau là tông chỉ lớn của mọi nghĩa, căn bản của lập tín. Nếu nhân quả thành, tức tất cả đều thành; nếu nhân quả hoại, thì tất cả đều hoại. Nay, vì muốn sửa cho đúng nghĩa nhân quả sinh nhau của thế đế, nên Phật bảo trước hết y cứ bất sinh, bất diệt để biện luận Trung đạo của thế đế.”

Hỏi: “Làm sao biết, muốn phá nhân quả thiên lệch, bất chánh, phải sửa cho đúng nhân quả của thế đế?”

Đáp: “Vì Thanh Mục giải thích: ‘bất sinh’, tức vượt ngoài 9 thứ nhân quả của luận sư nội, ngoại, đều không thành, nên biết y cứ vào nhân quả để nói Trung đạo của thế đế.”

Hỏi: “Vì sao chẳng nói không có nhân, không có quả như ‘mười bất’ của kinh Niết-bàn ư?”

Đáp: “Vì nay muốn dùng ‘vô sinh diệt’, để sửa cho đúng nhân quả của thế đế, nên không được phát chỉ thú, tức nói chẳng phải nhân, chẳng phải quả.”

Hỏi: “Đã nói bất sinh, bất diệt là đủ rồi, vì sao còn nói sáu việc nữa?”

Đáp: “Người căn cơ nhạy bén vừa nghe qua là tổ ngộ, không cần phải nói lại. Vì sao? Vì thế đế vô sinh diệt của tánh thật, tức bệnh đều phá. Hiểu rõ Nhân Duyên giả gọi là sinh diệt, tức là chánh, đều hiển bày, nên không cần nói lại sáu việc, chỉ vì người với căn chậm lụt chưa tỏ ngộ, nên phải thay đổi tư thế để giảng nói sáu việc. Lại, vì căn tánh không đồng, nên sự tỏ ngộ chẳng phải một, tự có người nghe bất sinh, bất diệt, mà không tỏ ngộ; nghe không thường, không đoạn, thì hiểu rõ, nên lại thu hưởng duyên khác lạ, nên cần triển khai biệt giáo. Như kinh Tịnh Danh nói, hơn ba mươi vị Bồ-tát đều nói pháp môn ‘bất nhị’.

Lại, như Bồ-tát Đàm-Vô Hại đã nói sáu trăm vạn ức môn Bát-nhã.”

Hỏi: “Đã biết, lại nói môn khác, nay, vì sao kể là, bất sinh, bất diệt, nói không thường, không đoạn?”

Đáp: “Tóm tắt có ba nghĩa:

1. Thành lập thế đế trước, phá nghĩa sinh diệt của tánh. Sở dĩ thế đế phá sinh diệt của tánh thật, là vì thật sinh thì rơi vào thường; thật diệt thì rơi vào đoạn. Vì cho nên thế đế phá thật sinh diệt.

2. Chỉ rõ thành lập nghĩa Trung đạo của thế đế. Sở dĩ giả sinh, giả diệt của thế đế là Trung đạo, vì giả sinh chẳng phải nhất định sinh, nên bất thường; giả diệt không nhất định diệt, cho nên bất đoạn, vì bất đoạn, không thường, nên gọi là Trung đạo, nên nêu bất thường, bất đoạn, để giải thích thành Trung đạo của thế đế.”

Hỏi: “Bất thường, bất đoạn đã là Trung đạo; bất sinh, bất diệt cũng là Trung đạo, sao lại lấy Trung đạo để hiển bày Trung đạo?”

Đáp: “Y cứ bất sinh, bất diệt để nói nghĩa Trung đạo của thế đế, thì không rõ ràng. Nếu y cứ bất thường, bất đoạn để nói Trung đạo, thì nghĩa dễ rõ ràng. Vì sao? Vì trong kinh, luận, phần nhiều y cứ bất thường, bất đoạn để nói Trung đạo. Phẩm Sư Tử Hống trong kinh Niết-bàn nói: “Chúng sinh khởi kiến, gồm có hai thứ:

1) Đoạn, 2) Thường

Hai kiến chấp ấy, không gọi là Trung đạo; vô thường, vô đoạn, mới gọi là Trung đạo. Phẩm Nghiệp của luận này nói: “Về nghĩa mà luận này nói, là lia đoạn, thường, vì kinh, luận phần nhiều đều y cứ vào bất thường, bất đoạn để nói về Trung đạo, nghĩa ấy thật rõ ràng, lời nói của kinh, luận kia dễ tin, nên nêu bất thường, bất đoạn, để giải thích thành Trung đạo.

3. Trên đây dù đã nói nhân quả của thế đế sinh nhau là giả sinh diệt, chẳng phải thật sinh diệt. Đây là lia lõi của tánh thật, vẫn chưa tránh khỏi sai lầm trong nhân đã có quả, không quả. Vì sao? Vì đã gọi là giả sinh, hoặc có thể nói là vì trong nhân có quả, nên giả sinh; hoặc là vì trong nhân không quả, nên giả sinh. Vì thế, nên nay, nói giả gọi là nhân quả sinh nhau, chẳng được “có”, “không”. Nếu phái Tăng-khư vì chấp trong nhân có quả, nên sinh, tức là nghĩa “thường”, như Bách Luận nói: “Lúc các thứ quả sinh, thì các thứ nhân không mất. Không mất, nghĩa là thường, là “có”, không thể mất, diệt, nên gọi là “thường”. Sư Vệ-thế vì chấp trong nhân không có quả, nên gọi là đoạn, vì trong nhân không có quả, nhân diệt trước, quả sinh sau, nên gọi là đoạn.”

Tát-bà-đa trong Phật pháp, nói ba đời “có”, tức là vốn tánh của quả ở vị lai. Từ vị lai đến hiện tại; từ hiện tại dứt trong quá khứ. Vì ba đời thường có, nên gọi là “thường”.”

Bộ Tăng-Kỳ nói hai đời không có nghĩa, vì xưa “không”, nay “có”, đã có, rồi lại không có, nên là đoạn diệt. Nay, nói về nhân quả của Nhân Duyên vì không thể nhất định “có”, không thể nhất định “không”, nên là bất đoạn, bất thường, gọi là Trung đạo, đầy đủ như phẩm Sư Tử Hống của kinh Niết-bàn đã nói)

Kế là, nói “không phải một”, “không phải khác”: Thế đế dù đã lia sinh diệt của tánh thật và quyết định đoạn, thường, e cũng rơi vào “một”, “khác”. Như Tăng-khư với Đại chúng bộ nói về nhân quả một thể. Vệ-thế và Thượng tọa bộ nói về nhân quả khác thể. “Một” “khác” như thế, đều phá hoại Trung đạo nhân quả của thế đế, nên kế là, nói “không một”, “không khác”.

Hỏi: “Nhân quả của thế đế vì sao “không phải một”, “không phải khác” ư?”

Đáp: “Phẩm Quán Pháp nói: “Pháp do các Nhân Duyên sinh không phải “tức” nhân, không phải “khác” nhân. Vì nhân quả không đồng, nên hai nghĩa “năng” (chủ thể), “sở” (đối tượng) đều được là “một”. Nhân, gọi là nhân của quả; quả, gọi là quả của nhân, làm sao “khác” được ?, nên gọi là Trung đạo.

Kế là, “không đến”, “không ra”: Bệnh “hoặc “vô cùng, không thể nêu hết. Trung đạo của thế đế vô lượng, cũng không thể nói đủ. Nay, lại dùng hai môn để ban bố chỗ quan trọng của của Trung đạo kia, tức mọi chứng bệnh đều được phá, trung đều được hiển bày dù đã nghe “sáu không” ở trên, mà sau cùng cho là quyết định có quả. Đã quyết định có quả, nếu từ ngoài đến, tất nhiên từ trong ra, nên kế là, nói “không đến”, “không ra”. Như chấp nổi khổ, vui của chúng sinh, sự sinh diệt của vạn vật, đều từ trời Tự Tại “đến”, nghĩa là ngoài “đến”. Lại, có ngoại đạo chấp quả khổ, vui đều do tự “ngã” tạo ra, tự “ngã” nhận lãnh, nên gọi là “trong ra”. Lại có ngoại đạo Túc Tác (đã tạo nghiệp đời trước), như phái Tu Bạt chấp: quả khổ, vui đều xuất phát từ nhân xưa, không do duyên hiện tại là nghĩa trong “ra”. Lại, có ngoại đạo nói là nam nữ hoà hợp sinh ra chúng sinh. Bốn đại nhóm hợp chung để sinh ra vật bên ngoài, gọi là ngoài đến. Đây là dùng “nhân” làm trong, lấy “duyên” làm ngoài. Lại, như Tỳ-Đàm chấp gỗ có tánh lửa. Từ nơi lửa tánh, để trở thành lửa sự, là nghĩa trong ra.”

Luận Thành nói gỗ không có tánh lửa, chỉ mượn duyên sinh làm nghĩa ngoài đến. Nếu chấp có tánh của lửa trong, lại cần duyên ngoài, tức là chấp đủ đến ra. Nay, nói “đến”, “ra” như ở đây đến ra, đều hủy hoại nhân quả của thế đế. Cho nên, kế là, nói “không đến”, “không ra”.

Hỏi: “Nhân quả của thế đế làm sao không đến, không ra ư?”

Đáp: “Nhân quả của Nhân Duyên không thể trong, ngoài, nên gọi là Trung đạo. Vì sao? Luận rằng: “Pháp do các Nhân Duyên sinh, vì quả không nghiêng một bên ở nhân, nên không “trong”; không ng-

hiêng về duyên nên không ngoài. Kinh Tịnh Danh nói: Pháp không thuộc nhân, không ở duyên, nên vì không nghiêng về hai bên, nên gọi là Trung đạo.”

Hỏi: “Vì sao chỉ nói tám việc bốn đôi?”

Đáp: “Tám việc bốn đôi, nhất nhất đều đối nhau, bệnh đều phá, trung đều biểu thị rõ, tức nghĩa đều đủ. Chỉ vì bốn đôi phá khắp các chấp, nói khắp Trung đạo, về nghĩa vì tóm tắt tròn vẹn, nên chỉ nói 8.

Kế là, nói chân đế “bát bất” nói Trung đạo của chân đế: Dùng “hữu” của “không” làm thế đế; “không” của “hữu” làm chân đế. Lấy “hữu” của “không” làm thế đế, thế đế, thì là giả sinh, giả diệt. Đối với “giả sinh” của thế đế, nói “giả bất sinh” của chân đế. Đối với giả diệt của thế đế, nói giả bất diệt của chân đế. Bất sinh bất diệt là Trung đạo của chân đế.”

Hỏi: “Làm sao biết hai đế đều là vô sinh ư?”

Đáp: “Phẩm Phật Mẫu của kinh An Lạc nói: “Hai đế: không phải một, không phải hai; không phải thường, không đoạn; không đến, không ra; bất sinh, bất diệt, ” nên biết “bát bất” đủ cả hai đế Luận này nói về hai người Đại, Tiểu thừa đều cùng mất hai đế: Tiểu thừa chấp “có”, bác “không”, nên mất chân đế. Người Đại thừa chấp “không”, bác “hữu”, nên mất thế đế. Tiếp nhận hai mất này, vẫn nhắc lại “bát bất”. Nên biết “bát bất” có đủ hai đế.

Lại, người Đại thừa chấp rất ráo “không”, không có thế đế. Đã mất thế đế, cũng mất Đế nhất Nghĩa đế. Cho nên, nay nói dù cuối cùng vô sinh, mà có hai đế.”

Hỏi: “Chỉ nên nói trực tiếp hai đế, vì sao lại nói hai đế đều vô sinh ư?”

Đáp: “Nói thẳng hai đế “không”, “hữu”: chấp nhận, nghĩa là lại chấp ‘không’, “hữu” mà hai người Đại, Tiểu trước đã nói, hợp thành hai đế. Đây là bệnh thiên lệch, không phá thì Trung đạo không hiển bày. Vì thế, nên nay, nói hai đế đều cùng bất sinh, tức song phá hai thiên lệch, nói về đủ Trung đạo. Vì sao? Vì thế đế vô sinh, nên phá sinh của tánh, tức chấp có tánh của Tiểu thừa, bệnh này được lành. Lấy vô sinh của chân đế để nói về Nhân Duyên sinh rõ ràng, tức là vô sinh; nên bệnh “không” thiên lệch của Đại thừa được dứt, nên biết vô sinh của hai đế phá rộng hai bệnh. Lại, vì sinh vô tánh của thế đế có Nhân Duyên giả sinh, nên thế đế trở thành Trung đạo. Chân đế không có giả sinh, nói chân đế của Nhân Duyên giả bất sinh, thành Trung đạo, do được đủ làm sáng tỏ hai Trung đạo, cho nên nói hai đế đều bất sinh. Lại, sở dĩ chỉ

nói một đế sinh, một đế bất sinh, là vì muốn đối phá lối chấp của Tiểu thừa kia, nên nói hai đế đều cùng vô sinh. Lại, nói hai đế đều không có sinh, là vì muốn bảo cho chúng sinh biết tất cả pháp xưa nay rốt ráo vô sinh, khiến cho tất cả chúng sinh ngộ vô sinh nhãn. Vì sao? Vì luận về tâm, nếu có sinh, tức có đối tượng nương tựa, có đối tượng nương tựa, tức có đối tượng ràng buộc, có đối tượng ràng buộc, tất nhiên sẽ không được lìa sinh, già, bệnh, chết, lo buồn khổ não, còn không được Nhị thừa, hướng chi là Phật đạo. Nếu tâm vô sinh, tức không có chỗ nương tựa, lìa tất cả ràng buộc, tức là được Trung đạo, nên năm mươi hai Hiền, Thánh đều y cứ vô sinh, để quán phần nội tại, về đẳng cấp của mình:

Đầu tiên là tin bổ tánh của các pháp là vô tánh, nên gọi là mười tám. Hơi chiết phục tâm sinh, khiến cho không khởi động niệm, nên gọi là “phục nhãn”, tức người của ba mươi tâm, do chiết phục tâm sinh, không khởi động niệm, tức vô sinh hơi sáng sửa. Thuận với các pháp vô sinh, không rơi vào sinh, nên gọi là Thuận nhãn, từ Sơ địa đến sáu địa.

Sinh tâm, động niệm không còn hiện ở trước vì vô sinh hiện tiền nên gọi là vô sinh nhãn, bảy địa đến cửu địa.

Tâm sinh, động niệm, rốt ráo vắng lặng, diệu ngữ vô sinh rõ ràng phân minh, nên gọi là Tịch diệt nhãn, Thập địa; Đẳng giác; Diệu giác địa. Do tầng bậc không có tầng bậc chỉ một quán vô sinh. Vì tầng bậc của không có tầng bậc, nên có năm mươi hai vị không đồng.

Cho nên năm mươi hai đều thực hành quán vô sinh, vì hai đế xưa này vô sinh, nên nhân vô sinh của hai đế, phát quán vô sinh, như kinh Niết-bàn nói: “mười hai Nhân Duyên bất sinh, bất diệt, năng sinh trí quán, tức biết “bát bất” là căn bản của năm mươi hai Hiền, Thánh.”

Hỏi: “Thế nào là năm mươi hai Hiền, Thánh đều tỏ ngộ vô sinh của hai đế?”

Đáp: Do hiểu rõ thế đế nên tất cả tánh thật có sở đắc, tâm rốt ráo bất sanh. “Do hiểu rõ chân đế, nên biết Nhân Duyên sinh tức vô sinh. Đối với tất cả giả sinh, không còn sinh tâm, động niệm nữa. Gồm thân chung chúng sinh, bệnh không vượt ngoài giả, thật. Đối với hai chỗ này, không còn động niệm nữa, tức ngộ Vô sinh pháp nhãn, nên có tất cả Hiền, Thánh.”

Hỏi: “Thế đế phá tánh sinh diệt, là nói bất sinh, bất diệt. Chân đế phá giả sinh diệt, nói bất sinh, bất diệt phải chăng?”

Đáp: “Ý chánh thì không đúng. Vì, Thế đế phá thật sinh diệt, nói bất sinh, bất diệt; Chân đế nói giả sinh rõ ràng, tức là vô sinh, nên không phá. Sở dĩ kinh nói: “Không hủy hoại giả danh, mà nói thật tướng

các pháp.” Luận nói: “Pháp do Nhân Duyên sinh, ta nói tức là “không”. Nếu phá giả sinh diệt thì trái với kinh, luận này.”

Hỏi: “Vì sao phá tánh sinh, nói về vô sinh, mà giả sinh tức là vô sinh?”

Đáp: “Vì các pháp rốt ráo không có tánh sinh, nên năm nhãn không thấy, chỉ điên đảo nói ngang là “có”, cho nên phải phá tánh sinh đã xong, mới được nói giả sinh của Nhân Duyên là thế đế của Phật, Bồ-tát. Đây là nhân duyên giả danh sanh được mắt Phật nhìn thấy, vì sao phá thế đế của Nhân Duyên ư? Nhưng Nhân Duyên sinh, tức là tánh vắng lặng, nên gọi là vô sinh của chân đế, là Trung đạo của chân đế. Hỏi: “Xưa, đâu được nói rằng, thế đế phá tánh sinh, chân đế phá giả sinh ư?”

Đáp: “Đây là y cứ ở bệnh giả để nói. Vốn đối với tánh lập giả, mà người mê lầm lại quyết định nói là đạo lý có giả này, nên thành bệnh giả sinh. Nay, vì phá bệnh giả sinh này, nên nói “phá giả”, mà vì không phá Nhân Duyên giả vô sở đắc, nên hai đế đều phá tánh giả, gồm có hai nghĩa:

Nếu thế đế phá tánh, tức phá mà không gồm thấu chân đế phá giả, vừa phá, vừa gồm thấu. Phá tình, chủ thể mê của người kia, gồm thấu lấy cái giả của sở hoặc, nên chỉ dứt bệnh của họ mà không dứt trừ pháp của họ, cũng có hai môn:

1- Không có pháp nào để trừ, tức phá pháp của tánh thật.

2- Chỉ dứt trừ tình của năng mê, không loại bỏ pháp của sở mê, tức nghĩa chân đế phá giả.”

Hỏi: “Nếu Nhân Duyên giả sinh, tức là vì vô sinh nên không phá là cũng Nhân Duyên tánh sinh, tức là vô sinh, lẽ ra cũng không phá?”

Đáp: “Tánh Nhân Duyên, như Phật tánh, pháp tánh v.v..., đây cũng là nghĩa giả mà thôi. Nay, chấp có sở đắc, sanh là vì tánh sinh, nên sinh, không được là vô sinh. Tánh như thế, tức chỉ phá, không gồm thấu.”

Hỏi: “Người nào chấp giả sinh, mà nói chân đế phá giả sinh?”

Đáp: “Có hai hạng người”:

1/ Bất “không”, giả gọi là hai đế.

2/ “Không” giả gọi là hai đế.

Vì hai người này, nên nói chân đế phá giả.

1) Người bất không, nghĩa là “không” của thế đế, không có tánh thật sinh, mà giả sinh chẳng thể “không” vì hạng người này nên nói Nhân Duyên của thế đế giả sinh tức là vô sinh.

Chỗ nào có pháp giả bất “không” này? Nếu có pháp giả bất “không” này thì phải phá pháp giả này.

Hỏi: “Tức danh nghĩa của bất “không” giả này cũng được là Trung đạo của thế đế hiện nay không?”

Đáp: “Cũng có ý này. Ông nói rằng: vì không có tánh thật, nên là chân đế; “hữu” đối với pháp giả, gọi là thế đế. Hai đế này cũng là thế đế hiện nay. Vì nghĩa thế đế là giả danh của Nhân Duyên, pháp không có tánh thật.”

Hỏi: “Sao lại dùng “không” của thế đế này để làm “không” của chân đế ư?” Hỏi nghĩa lý do của quán, cũng đồng với thuyết hiện nay. Thế đế là ba giả, tức không có tánh thật nữa. Chân đế là bốn tuyệt, tức không còn có ba giả. Đây cũng là nghĩa hai đế phá giả, thật, đâu khác gì với nghĩa hiện nay?”

Đáp: “Môn cạn sâu, tự sẽ giải thích đủ. Lý do dù nói thế đế là ba giả, nhưng hiện nay, lấy không có sở đắc đối với ba giả, sau cùng, nghĩa tánh này bị phá bởi thế đế hiện nay. Nay nói vừa khởi một niệm, là nẩy sinh sự hiểu biết, tức là nghĩa tánh. Vì sao? Đã khởi tâm, chấp là sanh. Tâm cho rằng có sự nẩy sinh này, lại khởi tâm chấp sinh, tức là vì có sở đắc, nên gọi là là Tánh. Nếu nghe sinh cho rằng sinh là diệt sinh, gọi là Nhân Duyên sinh, bèn tạo ra Nhân Duyên hiểu biết, thì thành bệnh Nhân Duyên, phải phá Nhân Duyên này, nên phá giả, thật, phải đối với tâm quán thật tinh tế, mà gieo vào. Nếu không như vậy, thì lại thành nghĩa cũ.

2) Người “Không” giả danh: nghĩa là “không” đối với giả sinh, mới là vô sinh. Bởi hoại sinh này mà nói vô sinh, vì đối với duyên này, nên nói giả sinh, tức là vô sinh, gọi là chân đế.”

Hỏi: “Bất sinh, bất diệt, làm sao là Trung đạo của chân đế?”

Đáp: “Vì “không” “hữu” là chân đế xa lìa sinh diệt, nên gọi là Trung. Đã gọi là có “không”, thì vì “không” chẳng tự “không”, nên gọi là giả, như thế đế không khác.”

Hỏi: “Đã nói rằng “không” “hữu” là thế đế; “hữu” “không” là chân đế, tức hai đế đều là giả danh của Nhân Duyên. Phái bầm thọ giáo nghe có làm có hiểu; nghe không có làm, không có hiểu, tức hai đế đều thành bệnh tánh. Luận chủ phá hai đế của tánh thật này, để trình bày hai đế của Nhân Duyên giả danh tức hai đế đều phá tánh. Thế nào là phá tánh của thế đế, phá giả của chân đế?”

Đáp: “Năm tôi hai mươi hai tuổi, đến chùa Thiệu Long, đem nghĩa này hỏi thầy, thầy nói: “Luận chung là phá giả, thật”, tức có đủ

bốn câu:

1/ Câu hỏi vừa rồi, tức hai đế đều phá tánh: phá tánh sinh của thế đế; phá tánh vô sinh của chân đế, nên cả hai đế đều là giả.

2/ Hai đế đều phá giả. Vì thế đế có sở đắc là giả, cho nên giả. Nay, nói thế đế là bất giả. Vì giả, nên thế đế phá giả.

Nhân Duyên không giả, giả (mượn) chân đế để phá. Vì là giả, nên giả chân đế.

Hỏi: “Người khác không nói chân đế là giả, làm sao phá giả?”

Đáp: “Chân đế kia dù chẳng phải giả, mà giả làm chân, đặt tên. Giả danh này, vì là danh, nên danh cũng được chân phá giả. Lại, sư Trung Giả nghe nói “giả làm, giả hiểu biết, cũng phải phá giả này”, Sư nói: “Sư Trung giả tội nặng, không bao giờ thấy Phật”.

Sở dĩ nói lời quở trách này, là vốn vì đối với tánh, nên nói giả, để cho người kia tỏ ngộ hẳn mà thôi, lại bỏ tánh, còn lại giả, cho là quyết định. Vì tâm có đối tượng nương tựa, nên không bao giờ thấy Phật, cần phải phá giả.

3) Thế đế phá giả, chân đế phá thật. Đây, chính là đối với nghĩa lý do. Thế đế của lý do là ba giả; bốn tuyệt của chân đế tức chẳng phải giả, nên nay, nói thế đế phá cái giả có “sở đắc” này, mới được nói thế đế là giả.”

Hỏi: “Phá thế nào?”

Đáp: “Thế đế là giả: Thế đế đối đãi với cái gì? Nếu đối đãi với chân đế, thì chân đế chẳng phải đối tượng đối đãi, thì làm sao thế đế là chủ thể đối đãi? Thế đế đã không đối đãi với chân đế, lại không tự đối đãi với chính thế đế, tức biết được thế đế chẳng phải đối đãi với thế đế, vì chẳng phải đối đãi, thì làm sao là giả? Nay, vì thế đế đã không có giả này, nên nói “thế đế phá giả”. Nay, thế đế “có” không tự có, mà do “không” nên “có”, tức thế đế mới thành giả.”

Chân đế phá thật: chân không tự chân, gọi là chân tục. Chân chẳng phải chân tục, thì chân không thành chân, nên Nhân Duyên giả chân đế phá tánh chân thật kia.”

4) Thế đế phá thật; chân đế phá giả, như ở trước giải thích .

Hỏi: “Thế đế phá thật, mà thế đế là giả; chân đế phá giả, tức lẽ ra chân đế chẳng phải giả?”

Đáp: “Chân đế phá giả sinh diệt, chứ không nói chân đế phá tất cả giả.”

Hỏi: “Đã có đủ bốn câu (bốn trường hợp), nay, vì sao lại nói Thế đế phá thật, chân đế phá giả ư?”

Đáp: “Luận chung giả thật, mới có bốn trường hợp. Nay, vì muốn giải thích hai đế đều vô sinh, nên thế đế không có thật sinh; chân đế không có giả sinh, nên được hai đế vô sinh là khác nhau. Nếu nói thế đế phá thật sinh; chân đế phá thật bất sinh, thì tức là phá sinh, lại phá bất sinh, nên không giải thích “bất bất”. Thế, nên hai đế không được đều phá thật. Nếu thế đế phá giả sinh; chân đế phá giả bất sinh, thì cũng chẳng phải giải thích nghĩa “bất bất”, nên không được đều phá giả.

Nếu thế đế phá giả sinh; chân đế phá thật bất sinh, thì cũng không giải thích “bất bất” Do đó, trong bốn môn, chỉ được thế đế nói không có thật sinh; chân đế nói không có giả sinh, mà thôi.”

Hỏi: “Không có chân đế, cũng phá thật sinh được không?”

Đáp: “Lấy ý nghĩa đó, tức cũng có phá thật sinh được, vì chấp thật vô sinh đã là có sở đắc, cũng vẫn là nghĩa sinh, chỉ y cứ người ngoài hệ lập nghĩa, thì không nói chân đế là sinh, cho nên chân đế không phá sinh.

Kế là, không thường, không đoạn: Đã nghe chân đế bất sinh, bất diệt, bèn cho rằng có lý bốn tuyệt thiên nhiên của chân đế, có Phật, không có Phật, thì tánh tướng vẫn thường trú, cho nên thường, mà chân đế dứt bất bốn trường hợp, đây tức là đoạn. Nay vì phá đoạn, thường này, cho nên nói là bất đoạn, bất thường. Vì chẳng nhất định có chân lý này, nên bất thường. Vì không hề có bốn trường hợp để dứt, nên nói rằng bất đoạn, gọi là Trung đạo.

Không phải một, không phải khác: Kẻ mê hoặc đã nghe bất sinh, bất diệt, bất đoạn, bất thường, bèn cho rằng lý chân đế không có khác nhau, nên gọi là “một”, được Khai Thiện sử dụng trường hợp này.

Quang Trạch cho rằng: “Chân lý cũng có cạn, sâu, thành thử cách ngăn nhiều với chân đế”, nên gọi là “khác” Nay, đều phá “khác” đó, nên nói: “Không phải “một”, “không phải khác”, cho nên kinh nói: “Không có sắc, không có hình, đối với một tướng, cái gọi là vô tướng. Vì một tướng, nên không thể là “khác”. Vì không có tướng, nên không thể nói “một”, không “một”, không “khác”, gọi là Trung đạo.

Không đến, không ra: Do bỏ tục được chân, nên gọi là “đến”; từ chân xuất tục, gọi là ra. Nay, vì phá đến ra này, nên nói không đến, không ra.”

Hỏi: “Thực hiện cách giải thích này ở chỗ nào?”

Đáp: “Luận Trí Độ giải thích phẩm Tập Tán, giải thích pháp Vô vi có tập, tán rằng: “Xuyên qua vật thể được khoảng không,, là nơi nhóm họp của vô Vi; ở vật bít lấp thì mất khoảng “không” là tán của

vô vi. Tập, tán, tức là nghĩa đến, ra. Lại, vì ‘không’, và sắc chẳng thể là ‘một’, nên ‘không’ chẳng phải từ trong sắc mà ra. Vì ‘không’, và sắc không thể ‘khác’, nên ‘không’ chẳng phải ngoài sắc mà đến. Không đến, không ra là Trung đạo của chân đế.”

Hỏi: “Thế đế giả sinh diệt, tức bất sinh, bất diệt, là Trung đạo của chân đế, cũng được giả đoạn, thường của thế đế, tức bất đoạn, bất thường là Trung đạo của chân đế ư?”

Đáp: “Nói chung, tức so sánh, chỉ có đệ tử Phật cho thế đế là sinh diệt, vì kiêng kỵ thế đế là đoạn, thường, nên chẳng so sánh.

“Một”, “khác”, “đến” “ra”, tức có thể chung cho cả hai nghĩa. Kế là, hai đế hợp đủ “bát bất”.

Hợp nói Trung đạo của hai đế: Đây có hai nghĩa:

1. Hợp biện luận hai đế để giải thích Trung đạo.

2. Dứt hai, quy về không hai, nói về trong thể.

Y cứ hợp nói hai đế là trung, lại có ba nghĩa:

1, Muốn giải thích kinh, luận, chỉ nói nói nghĩa hai đế, tức nghĩa khắp của pháp thuộc hai đế, không cần nói về ba đế.

2, Nói riêng về hai đế, đây là nói riêng dụng của trung. Hợp nói hai đế, hợp nói dụng của Trung.

3, Nói chẳng phải chân, chẳng phải tục, mới là thể của trung. Đây là giải thích về nghĩa ba đế trong kinh.”

Hỏi: “Sao chỉ nói hai đế là trung ư?”

Đáp: Sư Đàm Ảnh ở Quan Nội cho là nghĩa của Trung đạo hai đế cũ, Sư nói: Chân thì chẳng phải hữu, tục thì chẳng phải vô, vì chân nên vô hữu tuy vô mà hữu, vì tục nên vô vô tuy hữu mà vô, tuy vô mà hữu, không dính mắc vô, tuy hữu mà vô, không lụy bởi hữu, vì không dính mắc vô cho nên bất đoạn, vì không lụy bởi hữu cho nên bất thường, tức là chẳng phải hữu chẳng phải vô, là Trung đạo bất đoạn, bất thường. Đây là hợp giải thích nghĩa “bốn bất”. Vì sinh thường là “có”; vì diệt đoạn là “không”.

“Không phải một”, “không phải khác”: So sánh với trên, nên nói: “Vì tục đế, nên không phải một; vì chân đế, nên không phải khác. Vì tục, nên không phải một, tuy “khác” mà “một”. Vì chân, nên không có khác, tuy “một”, mà “khác”, tuy “khác” mà “một”, cho nên không ngăn ngại với “khác”, tuy “một” mà “khác”, nên không dính mắc ở “một”. Không phải “một”, không phải “khác”, gọi là Trung đạo.

Nếu đối với phá, lập, thì Khai Thiện cho rằng: “Vì chân, tục một thể, nên gọi là “một”.”

Long Quang cho rằng: “Chân, tục “khác” thể, nên nói là “khác”. Nay, đều bác bỏ, nên nói rằng “không phải một”, “không phải khác”. Cho nên Thiên Thân giải thích Đại Phẩm, nói mười thứ tán động, mà “một”, “khác” là hai thứ tán, động, nên biết chân, tục không thể là “một”, “khác”. Đông Dương truyện đại sĩ làm bài tụng hai đế:

*Hai đế đều chẳng song
Thường trái, không hề đều
Chìm nổi, tùy, không tùy
Trôi nổi, bạt, vô bạt*

Người kia vốn không có học vấn, mà còn biết hai đế không thể “một”, “khác”, huống chi người tìm học kinh, luận mà có chấp nhất định ư?

Không đến, không ra: Vì chân đế “không”, nên không đến; vì tục đế “hữu”, nên không xuất xuất giống như khứ so sánh với trên, có thể biết.

Hỏi: “Đã nói về Trung đạo của hai đế xong, vì sao lại hợp nói Trung đạo của hai đế nữa ư?”

Đáp: “Chỉ nói về tục đế, không nói chân đế, tức rơi thiên lệch biên “hữu”; chỉ nói chân đế không nói về tục đế, về bên rơi về bên “không”, Nay, hợp nói hai đế, vì lìa hai bên này nên gọi là Trung đạo.

Pháp sư Đại Lãng dạy Chu Ngang hai đế, người ấy chấp mắc luận Tam tông, rằng: “Sở dĩ Phật lập hai đế vì các pháp có hai thứ “không”, “hữu”, vì không nghiêng về một bên, nên gọi là Trung đạo.”

Hỏi: “Thế đế bất tánh, chân đế bất giả, hợp nói cả hai đế là nhằm đối trị với sự nghiêng lệch nào?”

Đáp: “Chỉ nói về dứt tánh của thế đế, không nói dứt giả của chân đế, tức gọi là nghiêng lệch; chỉ nói rõ về chân đế bất giả, không nói thế đế bất tánh, về nghĩa cũng nghiêng một bên. Vì nói đủ hai đế đều bất giả, thật, tức nghĩa mới viên, chánh, nên gọi là Trung đạo.”

Hỏi: “Hai đế hợp nói trung giả là thế nào?”

Đáp: “Hợp nói lìa hai thiên lệch là trung; hợp nói Nhân Duyên hai đế, nên là giả.

Kế là, dứt hai đế, trở về với không hai, nói Trung đạo: Nếu thực hành thế, dụng để nói, thì cả ba thứ trên đều là dụng của trung, chỉ dụng của trung có lìa, có hợp, đều nói Trung đạo của hai đế là lìa, tức là đều sửa cho đúng nghĩa của hai đế. Hợp nói Trung đạo của hai đế tức là hợp sửa cho đúng nghĩa của hai đế. Nay, kế là nói về thế của trung, tức là gồm thâu dụng quy thế.

Sở dĩ cần một lớp này là vì phái vãng giáo nghe nói hai đế, bèn nghĩ ra hai cách hiểu, tức thành hai kiến, nên kinh Đại Phẩm nói: “Các “hữu” đều có hai, nghĩa là không có đạo nào không có quả.” kinh Niết-bàn nói: “Minh Vô Minh, người ngu nói là hai; cũng chân, và tục mà người ngu, cho là hai. Nay, nói Chư Phật, Bồ-tát, trong không có danh tướng, gượng gọi là danh tướng, nói là muốn cho chúng sinh nhờ danh tướng, ngộ không có danh tướng nên không hai mà hai, gọi là hai đế. Vì muốn cho chúng sinh nhân không hai mà hai, tỏ ngộ hai, không hai, nên gọi là Trung đạo không hai. Vì “không”, “hữu” là thế đế. Thế đế tức sinh’ “hữu”, “không” là chân đế; chân đế gọi là “diệt”. Đã gọi là “không” “hữu” tức bất “hữu”, nên nói bất sinh. “Hữu” “Không” tức chẳng phải “không”, nên nói là bất diệt. Bất sinh, bất diệt, tức là Trung đạo chẳng phải chân, chẳng phải tục.

Bất thường, bất đoạn: cũng được so sánh trên. Chân đế có Phật, không có Phật, vì tánh tướng vẫn thường trụ, nên gọi là “thường”. Thế đế có pháp hư giả, sẽ trở về với sự tiêu ma, hoại diệt, nên gọi là “đoạn”. Đức Như lai nói Nhân Duyên thường, vô thường này, là vì muốn cho chúng sinh liễu ngộ chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, nên gọi là Trung đạo, cũng được xoay vần giải thích lẫn nhau. Kẻ mê lầm nghe nói Trung đạo chẳng phải chân, chẳng phải tục, bất sinh, bất diệt, bèn cho là “thường”. Đã chẳng phải chân, tục, dứt bất chân, tục, nên gọi là “đoạn”. Vì ngăn tâm này, nên đã chẳng phải sinh diệt, cũng chẳng phải đoạn, thường, mới được gọi là Trung đạo.

Không phải “một”, không phải khác: Nếu so sánh với nghĩa trên, lấy “không” “hữu” làm thế đế. Thế đế tức là sai biệt của không sai biệt, nên gọi là “một”, “khác”. Vì “không” “hữu” là chân đế, chân đế là vô khác biệt của khác nhau, nên gọi là “một”, “khác”. “Khác” một tức chẳng phải “một”; “một” của “khác”, tức chẳng phải “khác”. Chẳng phải “khác”, chẳng phải “một”, gọi là Trung đạo.

Nếu vì trở thành người trên, kẻ mê lầm nghe nói Trung đạo bất sinh, bất diệt, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, bèn cho là dứt diệt một tướng. Nếu dứt trừ nhất tướng bèn cho rằng, Trung đạo cũng có cạn, sâu, tức là tướng “khác” vì có “sở đắc” lòng người phải có đối tượng nương tựa. Nếu không trụ “một”, thì rơi vào “khác”. Vì thế, nên nay nói đã chẳng phải sinh, diệt, đoạn, thường, thì cũng chẳng phải “một”, “khác”, không đến, không đi: So với nói trên, dùng “không”, “hữu” làm thế đế. Vì thế đế, nên có “đến”. “Hữu” “Không” là chân đế, chân đế dứt bất pháp “có”, nên gọi là “đi”. Sở dĩ Như lai nói có

“đến”, “đi” này, là vì muốn cho chúng sinh sớm tỏ ngộ không có đến, đi. Vì “đến” là tướng đến của “không đến”, nên “đến” mà không có chỗ đến; đi là tướng đi của không đi, nên “đi” không có chỗ đi. Không đến, không đi, gọi là Trung đạo.

Nếu thành nghĩa trên, thì đã nghe Trung đạo có đủ “sáu bất” nói trên, bèn cho rằng Trung đạo ra ngoài hai bên, nên gọi là “xuất”. Trước kia, đã chấp có hai bên, tức Trung đạo bất thành. Nay, vì bỏ hai bên, nên có Trung đạo, nên Trung đạo mới thành. Vì dứt tâm này. Nói trung chẳng phải ngoài biên, cho nên “không đi”. Còn vô biên có thể đi, trung nào có thể đến?”

Hỏi: “Vì sao đặt ra cách giải thích này?”

Đáp: “Luận rằng: “Dùng tám việc này để phá chung tất cả pháp. Phá tất cả pháp, có nghĩa là phá khắp qua mọi việc mà tâm chúng sinh đã vận hành. Tâm chúng sinh chỉ vận dụng tám việc trung này, nên hiện nay đều không phải tám việc, để cho tâm không có đối tượng vận hành. Vì không có đối tượng vận hành, nên không có sở đắc, tức là tỏ ngộ xa vô sinh, nên tạo ra cách giải thích này.

Kế là, kết thúc, dù có bốn thứ Trung giả, nhưng hợp lại chỉ trở thành một Trung, một giả, vì chẳng phải lấy chân, tục làm thể, nên gọi là Trung. Vì chân, tục là dụng, nên gọi là giả.”

Hỏi: “Vì sao dùng “chẳng phải chân, tục” làm trung? Chân, tục làm giả?”

Đáp: “1/ Vì nhờ ở 2, chẳng phải dứt kiến của hai bên, nên gọi là Trung. Vì thật ra, chẳng phải chân, tục là chúng sinh, nên gượng đặt ra danh từ chân, tục để nói, nên chân, tục gọi là giả.

2/ Thể, dụng đều gọi là Trung, vì Trung là nghĩa chính, vì có đủ phi chân, tục, kể cả chân, tục. Vì nghĩa này mới chính đáng, nên đều gọi là Trung.

3/ Chân, tục, chẳng phải chân, tục, đều là giả. Sở dĩ đều gọi là giả, vì đều là chữ mà Như lai giả gọi, nên đều là giả. Vì sao? Vì môn đạo không hề chân, tục, vì giả nói chân, tục, nên chân, tục là giả. Cũng chưa từng chẳng phải chân, tục, vì giả thuyết chẳng phải chân, tục, nên “chẳng phải chân, tục”, cũng là giả. Lại, chân, tục không tự chân, tục, là chân, tục phi chân, tục. Chân, tục đã là giả, “phi chân, tục” không tự “phi chân tục”, mà là do chân, tục. Do chân, tục, nên “phi chân tục”, tức “phi chân tục” cũng là giả.”

Hỏi: “Điều cùng có trung, điều cùng có giả, lại được hợp thành một giả, hợp thành một Trung có được không?”

Đáp: “Phải đầy đủ nghĩa chân, tục, phi chân, tục, mới viên, chánh, mới trở thành một viên “Trung”. Chân, tục, phi chân, tục không tự bắt đầu là một viên “giả”.”

Hỏi: “Chỉ nói chân, tục là trung nào, giả nào? Nói thẳng phi chân, tục, lại là giả nào, trung nào?”

Đáp: “Hễ nhìn thấy, thì phi chân tục là thể giả; chân tục là dụng giả. Chân tục là dụng trung; phi chân, tục là thể trung. Sở dĩ nói lời này là vì muốn giải thích trung, giả trong văn luận, nên hễ lập ra thể, dụng, lại vì đối với chân, tục của lý do là thể, vì không có “thể” của phi chân tục, nên nói chân, tục là dụng; phi chân, tục mới là thể, sao cho chúng sinh kia lìa bỏ hai kiến chân, tục được tỏ ngộ xa! Nếu cố giữ lời nói sự hiểu biết này, thì lỗi lầm của họ lại càng sâu.

Sư lại nói: “Gọi là thẳng là thể, dụng thì sẽ không còn dấu vết. Vì sao? Vì đã gọi là thể, dụng, tức là Nhân Duyên, thể dụng của Nhân Duyên tức là tánh vắng lặng, làm sao lại giữ lấy lời nói này? Như một việc thể, dụng đã vậy, thì với bốn oai nghi, đối tượng của sáu căn, động, tĩnh, thường phải biết. Bốn oai nghi là Nhân Duyên, nếu biết rõ Nhân Duyên, thì biết được bốn oai nghi của Nhân Duyên không hề có bốn và chẳng có bốn, không còn chỗ của tâm phẩm hạ. Sở dĩ bốn oai nghi này không khởi lên ái kiến thì thường hợp với đạo.”

Sư lại nói: “Hễ có giảng nói, đều vì dứt trừ bệnh. Bệnh đã qua khỏi, thì lời nói dứt hết, như giông bão đê bẹp cỏ, cỏ chết rồi, bão tiêu tan. Không được giữ lại lời nói để tạo ra sự hiểu biết, trở lại thành bệnh, sẽ không được giải thoát.”

Lại, Sư nói: “Dùng tâm quán, phát ra lời nói tức lời nói không giao động quán, lời nói không lay động quán, cuối cùng, đâu từng có nói năng.”

Sư lại nói: “Nhờ ngôn ngữ để hiển bày đạo, thật ra, không có lời nói nào để gởi gắm, tức biết lời nói không khác với đạo, đã không có lời nói nào để gởi gắm, đạo nào có thể gởi gắm lời nói thì tâm phẩm hạ, không hề có chỗ nương tựa. Nếu còn dựa vào đối tượng không có chỗ dựa này, thì không có chỗ nương tựa, lại là chỗ nương tựa. Mong khách tỏ ngộ xa, đối với chỉ thú huyền vi có thay đổi, nêu một có thể so sánh với tất cả.”

Hỏi: “Vì sao Sư lập trung giả? Lại dùng nghĩa gì để phá trung giả?”

Đáp: “Trên, đã giải thích rồi, bây giờ, sẽ nói lại, đối với nghĩa tánh của lý do, cho nên lập giả để chữa trị bệnh thiên lệch của người

học giáo. Sở dĩ nói Trung, là vì muốn cho chúng sinh bỏ nghiêng lệch, không chấp mắc Trung Tánh đi, không lưu lại giả, tức cần phải biết rằng, bỏ nghiêng lệch, không có đối tượng bỏ. Tánh đi, không có chỗ nào để đi. Xưa có học sĩ trong núi tên là Pháp sư Tuệ Tĩnh nói rằng: “Đi lằm bước đi của Luận chủ. Đi này không có chỗ để đi mà bèn bỏ thiên lệch, chấp mắc trung, trừ tánh, lập giả.” Lấy việc này để yên định tâm, tức cuối cùng không thấy Phật. Vì sao?

“Vì tâm Phật không có chỗ nương tựa, còn tâm ông thì có chỗ gửi gắm, bèn ngăn cách với Phật, làm sao được thấy Phật. Vì nghĩa này, nên cần phải phá nghiêng lệch: Trung giả. Lại, phải phá trung giả là vì người chưa học ba luận, đã ôm ấp cái hiểu biết của Số luận. Nay, vừa nghe nói ba luận, lại nảy ra sự hiểu biết để yên tâm. Đã đồng với am ở tâm, tức đều là có sở đắc, đâu khác gì với sự hiểu biết cũ xưa. Lại, thậm chí lỗi còn hơn người khác. Vì sao? –Vì, xưa đã được hiểu biết cũ của Số luận, nay, lại được trí mới của ba luận, tức lại thêm một kiến.”

Sư nói: “Đây là ghi chép đủ. Có thể nói là sự học càng rộng thì điên đảo càng nhiều, mà ý của kinh, luận là ở bí quyết dứt tâm, đạt bản nguyên, nên hiệu là Sa-môn. Lại dứt tâm niệm để đạt đến chỗ không có dứt!

Nói không phá trung giả, nghĩa là người thể nhập đạo, là đã thấu suốt cái giả của tánh này, xưa nay là đạo, thì không cần phải phá. Đã muốn phá trung giả, há chẳng phải là phá đạo ư? Cần phải thấy sâu về ý này, mà nay, nói phá, nghĩa là vì người kia không biết các tánh giả đã lập, xưa nay là đạo, nên đã dùng đạo làm phi đạo. Nay, lại vì muốn cho người kia tỏ ngộ phi đạo là đạo, nên nói là phá thôi, chứ thật ra thì không phá.

2/ Lại, phải biết rằng, tánh tức là giả. Phạm phu vì điên đảo nói là giả trở thành tánh. Chư Phật quán sát tánh thường là giả, nên nói rằng: “Tất cả thế đế, nếu đối với Như lai, thường là đệ nhất nghĩa đế.

3/ Người đã thể nhập đạo, biết đạo này chưa từng là tánh giả. Tánh giả xuất phát từ hai duyên, cũng như một đạo không hề chân, tục; chân tục được phát ra từ hai duyên.

4/ Phải tìm kiếm giáo, phải biết Chư Phật, Bồ-tát, bên trong đã được quán vô ngoại, bên ngoài, có biện luận vô phương, nói giả là tánh; nói tánh là giả. Nói “tánh giả” “chẳng phải tánh giả”; “chẳng phải tánh giả” là “tánh giả”. Nếu cứ bảo thủ một lời nói, thì tức là mất đi ý viên mãn, chẳng phải là người học ba luận.

Trung Quán luận sơ quyển hai (Phần đầu xong)